

Bản án số: 17/2024/DSST  
Ngày 13/5/2024.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang.*

*Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Bình; ông Nguyễn Văn Điều.*

*Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Mai Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng, Kiểm sát viên.*

Ngày 13/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số: 136/2023/TLST-DS, ngày 20/12/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số A, P, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B.

Ông Nguyễn Quang H ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1.

Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B (có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Văn T2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/3023 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H1 trình bày: Ngày 06/07/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng TMCP Đ), chi nhánh B và bà Trịnh Thị T1 có ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm kế ước nhận nợ. Nội dung, Ngân hàng TMCP Đ cho bà Trịnh Thị T1 vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu

đồng chẵn), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 23/07/2018 đến ngày 23/07/2019, mục đích: kinh doanh, lãi suất: 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn; biện pháp đảm bảo: Tín chấp. Ông **Trịnh Văn T2** là người bảo lãnh trong “Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn” giữa **Ngân hàng TMCP Đ**, chi nhánh **B** và bà **T1**. Ông **T2** cam kết trong trường hợp bà **T1** không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng, ông **T2** sẽ trả nợ thay cho bà **T1** cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng.

Tính đến ngày 20/06/2023, bà **T1** đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 16.355.643 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.974.357 đồng. Kể từ ngày 23/07/2019 là ngày hết hạn của hợp đồng, bà **T1** không trả cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc đòi nợ nhưng bà **T1** vẫn không trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà **Trịnh Thị T1** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2024 với số tiền gốc là 3.644.357 đồng, lãi trong hạn là 25.643 đồng, lãi quá hạn là 2.886.337 đồng. Tổng cộng là 6.556.337 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà **T1** không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông **T2** là người bảo lãnh phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ trên của bà **T1**.

Bị đơn là bà **Trịnh Thị T1** khai: Bà thừa nhận có vay của **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) thông qua Hội phụ nữ **thôn P** nhưng thực lĩnh số tiền: 19.950.000 đồng; hàng tháng bà đều trả tiền gốc và lãi qua bà **Mẫn Thị L**, là Tổ trưởng tổ vay vốn của Hội phụ nữ **thôn P**. Nay **Ngân hàng TMCP Đ** yêu cầu bà phải trả số tiền còn nợ theo yêu cầu khởi kiện thì bà không đồng ý vì bà đã trả hết nợ cho Ngân hàng cả tiền gốc và lãi qua bà **L** rồi. Bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án về việc đã trả nợ cho Ngân hàng qua bà **L**.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tiến hành lấy lời khai nhưng ông **Trịnh Văn T2** đều vắng mặt không có lý do, từ chối khai nên Tòa án không lấy lời khai được của ông **T2**.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 335, 336, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ**.

- Buộc bà **Trịnh Thị T1** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** tổng số tiền tính đến ngày 13/5/2024 với số tiền gốc là 3.644.357 đồng, lãi trong hạn là 25.643 đồng, lãi quá hạn là 2.886.337 đồng. Tổng cộng là 6.556.337 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà T1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông Trịnh Văn T2 phải có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản vay của bà Trịnh Thị T1 cho Ngân hàng TMCP Đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị T1 phải trả tổng số tiền tính tạm đến ngày 13/5/2024 là 6.556.337 đồng. Bị đơn là bà Trịnh Thị T1 cư trú tại thôn P, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Toà án nhân dân huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, tại “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ” đề ngày 23/07/2018 đã thể hiện bà Trịnh Thị T1 vay của Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B số tiền 20.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày vay 23/07/2018 đến ngày 23/07/2019; mục đích: kinh doanh, lãi suất: 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn; biện pháp đảm bảo: Tín chấp. Ông Trịnh Văn T3 là người bảo lãnh trong “Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn” giữa Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B và bà T1. Ông T2 cam kết trong trường hợp bà T1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng, ông T2 sẽ trả nợ thay cho bà T1 cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng.

Thời hạn hết hạn của hợp đồng là ngày 23/07/2019. Ngày 20/6/2023, Ngân hàng gửi đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý vụ án ngày 20/12/2023. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015: Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên. Do các đương sự trong vụ án không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 20/6/2023, bà T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 16.355.643 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.974.357 đồng. Kể từ ngày 23/07/2019 là ngày hết hạn của hợp đồng, bà T1 không trả cho Ngân hàng được đồng tiền gốc và tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc đòi nợ nhưng bà T1 vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Do bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi khi đến hạn thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của bên vay, vi phạm các điều khoản đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Trịnh Thị T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2024 với số tiền gốc là 3.644.357 đồng, lãi

trong hạn là 25.643 đồng, lãi quá hạn là 2.886.337 đồng. Tổng cộng là 6.556.337 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, ông **Trịnh Văn T2** là người bảo lãnh trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ” giữa **Ngân hàng TMCP Đ** và bà **Trịnh Thị T1**. Theo quy định của Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015, ông **Trịnh Văn T2** phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bà **Trịnh Thị T1** nếu đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bà **Trịnh Thị T1** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, bà **Trịnh Thị T1**, ông **Trịnh Văn T2** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 235, 264, 266, 147, 184, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 335, 336, 429, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ**.

2. Buộc bà **Trịnh Thị T1** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2024 với số tiền gốc là 3.644.357 đồng, lãi trong hạn là 25.643 đồng, lãi quá hạn là 2.886.337 đồng. Tổng cộng là 6.556.337 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

Bà **Trịnh Thị T1** phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán toàn bộ số nợ lãi phát sinh trên nợ gốc, theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thoả thuận theo hợp đồng đã ký, kể từ ngày 14/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

Nếu bà **Trịnh Thị T1** không trả được nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ** thì ông **Trịnh Văn T2** phải trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của bà **Trịnh Thị T1** cho **Ngân hàng TMCP Đ**.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà **Trịnh Thị T1** phải chịu 328.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **N** hàng TMCP Đông Á số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 002213, ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKS huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thu Trang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Bình**

**Nguyễn Văn Điều**

**Vũ Thu Trang**